

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-PT
Ngày 25-3-2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Các thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân và bà Đỗ Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Hải Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 177/2025/QĐ-PT ngày 31/12/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐ-PT ngày 15/01/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐ-PT ngày 06/02/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 29/2026/QĐ-PT ngày 05/3/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P (Tên gọi khác: T). Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường L, tỉnh Lào Cai. Số CCCD: 010169001243.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H. Địa chỉ: Số nhà D, đường T, tổ dân phố A, phường L, tỉnh Lào Cai. Số CCCD: 010164000197 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

- Bà Trương Thị L. Số CCCD: 034168018290

- Ông Bùi Văn V. Số CCCD: 034063006704

Cùng địa chỉ: Số nhà B đường C, phường L, tỉnh Lào Cai. Số CCCD: (Điều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/6/2022, bà Lê Thị P (Tên gọi khác: T) đã cho vợ chồng bà Trương Thị L, ông Bùi Văn V vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hai bên có viết giấy vay tiền và thoả thuận thời hạn vay là 6 tháng tính từ ngày 01/6/2022 với lãi suất là 0,6%/tháng. Sau khi vay hàng tháng vợ chồng bà L đều trả lãi cho bà P đầy đủ. Khi đến hạn trả tiền gốc vay vợ chồng bà L, ông V chưa trả được nên có xin khất lại gốc và bà L có thống nhất trả lãi cho bà P là 1,5%/tháng, hai bên thoả thuận miệng, bắt đầu từ tháng 12/2022 bà L đã trả cho bà P theo mức lãi suất 1,5%/tháng, vài tháng sau đó vợ chồng bà L, ông V đều trả lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng qua tài khoản Ngân hàng Đ (B), số tài khoản 37510000005469 mang tên Lê Thị P. Sau đó vợ chồng bà L không trả nữa. Mặc dù, bà P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà L trả tiền gốc và lãi nhưng bà L không trả được. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án tính đến tháng 12/2024 vợ chồng bà L còn nợ bà P số tiền lãi là 41.000.000 đồng (Theo tin nhắn chốt trong zalo trao đổi giữa bà Lê Thị P và bà Trương Thị L ngày 30/12/2024). Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút phần yêu cầu tính số tiền lãi 41.000.000 đồng và số tiền lãi của 41.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Buộc bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V phải trả cho bà Lê Thị P tổng số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và khoản lãi với lãi suất 0,6%/tháng tính từ ngày 01/6/2022 đến 30/11/2022 là 36.000.000 đồng và khoản lãi 1,5%/tháng tính từ 01/12/2022 đến ngày xét xử 30/9/2025 là 34 tháng x 1,5%/tháng x 1.000.000.000 đồng = 510.000.000 đồng khấu trừ đi số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn theo bảng sao kê ngân hàng mà bị đơn nộp cho Tòa án là 397.000.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.000.000.000 đồng tiền gốc + 546.000.000 đồng tiền lãi – 397.000.000 đồng tiền lãi bị đơn đã thanh toán = 1.149.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi chín triệu đồng). Bên cạnh đó, nguyên đơn không nhất trí với yêu cầu phân tố của bị đơn.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ngày 01/6/2022 vợ chồng ông bà có vay của bà Lê Thị P (Tên gọi khác là T) 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hai bên có viết giấy vay tiền mặt và thoả thuận mức lãi suất là 0,6%/tháng. Vợ chồng bà đã thực hiện đúng thoả thuận với bà P thanh toán đủ lãi suất là 0,6%/tháng, cụ thể từ 02/6/2022 đến tháng 12/2022 là 167.447.410 đồng. Đối với số tiền gốc vay thì từ ngày 01/6/2022 đến nay bà đã trả tiền gốc cho bà P là 229.552.590 đồng qua chuyển khoản ngân hàng. Tuy nhiên, bà P không khấu trừ khoản tiền gốc bà đã thanh toán là 229.552.590 đồng mà vẫn tiếp tục yêu cầu vợ chồng bà thanh toán khoản tiền gốc 1.000.000.000 đồng, dẫn đến bất đồng quan điểm nên vợ chồng bà L đã dừng việc trả tiền cho

bà P từ tháng 11/2024. Vì vậy, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do bà P không công nhận số tiền gốc vợ chồng bà đã thanh toán nên trong quá trình giải quyết vụ án ông bà có yêu cầu phản tố đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị P phải trả cho vợ chồng ông bà khoản tiền lãi suất phát sinh từ khoản tiền thanh toán trả gốc vay hàng tháng tạm tính từ ngày 08/01/2023 đến ngày 31/3/2025 là 54.044.496 đồng (Trên tổng số tiền gốc 229.552.590 đồng bà đã trả cho bà P).

Tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V cung cấp tài liệu chứng cứ là 01 quyển sổ ghi là “sổ quỹ”, trong đó có rất nhiều các trang ghi các nội dung khác nhau do nhân viên cửa hàng của bà ghi, xác định trong sổ có nội dung ghi 4 lần nguyên đơn bà Lê Thị P (T) nhận tiền mặt có ký xác nhận cụ thể vào các lần: Lần 1 ngày 01/02/2024, lần 02 ngày 04/3/2024, lần 03 ngày 02/4/2024, lần 04 ngày 28/4/2024 mỗi lần 57.800.000 đồng, tổng là 231.200.000 đồng là tiền vợ chồng bà L trả tiền gốc cho bà Lê Thị P. Vì vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục trừ vào khoản nợ gốc mà vợ chồng bà nợ bà Lê Thị P.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định số tiền lãi vay vợ chồng bà đã trả cho bà Lê Thị Phương Q chuyển khoản ngân hàng từ ngày 02/6/2022 đến tháng 12/2024 là 167.447.410 đồng, tiền gốc trả qua chuyển khoản ngân hàng là 229.552.590 đồng (33 lần), tiền gốc vay trả bằng hình thức tiền mặt là 231.200.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc vợ chồng bà đã thanh toán cho nguyên đơn là 229.552.590 đồng + 231.200.000 đồng = 460.752.590 đồng, số tiền gốc còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.000.000.000 đồng – 460.752.590 đồng = 539.248.000 đồng.

Tại Bản án số 19/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 điều 227, điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị P số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi tính đến hết ngày 30/9/2025 là 149.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi tính đến hết tháng 12/2024 là 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng) và tiền lãi tính trên số lãi 41.000.000 đồng từ tháng 01/01/2025

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán khoản tiền lãi suất phát sinh từ khoản tiền trả gốc vay hàng tháng tính từ ngày 08/01/2023 đến ngày 31/3/2025 là 54.044.496 đồng (Năm mươi tư triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/10/2025, bị đơn bà Trương Thị L và bị đơn ông Bùi Văn V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận bị đơn đã thanh toán một phần tiền gốc (229.552.590 đồng), đề nghị tính lãi suất theo quy định Bộ luật dân sự và theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn đề nghị, theo đó nhất trí xác định mức lãi suất vay giữa nguyên đơn và bị đơn trong thời gian vay từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/9/2025 theo quy định pháp luật là 10%/năm (0,83%/tháng).

Các bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn V, bà Trương Thị L về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận việc bị đơn đã thanh toán một phần tiền gốc 229.552.590 đồng và toàn bộ tiền lãi theo thỏa thuận;

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về đề nghị tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự và theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm giải quyết vụ án

3. Sửa Bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Lào Cai về lãi suất, ông V bà L phải trả lãi suất đối với số tiền nợ 1.000.000.000 đồng cho bà P cụ thể:

Ông V bà L phải trả lãi suất 0,6%/tháng/1.000.000.000đ từ 01/6/2022 đến ngày 30/11/2022 (06 tháng): $0,6\% \times 06 \text{ tháng} \times 1.000.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000\text{đ}$

Lãi suất 1,5%/tháng/1.000.000.000đ từ 01/12/2022 đến ngày 30/9/2024 (22 tháng): $1,5\% \times 22 \text{ tháng} \times 1.000.000.000 \text{ đồng} = 330.000.000\text{đ}$

Lãi suất 0,83% tháng/ 1.000.000.000 đồng cho bà P từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử 30/9/2025 (12 tháng): $0,83\% \times 12 \text{ tháng} \times 1.000.000.000 \text{ đồng} = 99.600.000\text{đ}$.

Tổng số tiền lãi ông bà phải trả cho bà P là 465.600.000 đồng

Khấu trừ số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn theo bảng kê tài khoản ngân hàng là 397.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 465.600.000 đồng- 397.000.000 đồng = 68.600.000 đồng

4. Sửa án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà L, ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 44.058.000 đồng.

5. Ông V, bà L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và yêu cầu của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong thời hạn luật định là hợp lệ, là căn cứ để xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự

[3] Xét kháng cáo của bà Trương Thị L, ông Bùi Văn V:

[3.1] Xét giấy vay tiền ngày 01/6/2022 và giấy gia hạn ngày 01/10/2024:

Về hình thức, chủ thể: Giấy vay tiền ngày 01/6/2022 có đầy đủ các thông tin cá nhân, thời hạn vay, lãi suất, cam kết và được các bên ký tên. Giấy gia hạn ngày 01/10/2024 có đầy đủ thông tin về việc thỏa thuận gia hạn thời hạn trả nợ, số tiền nợ và có chữ ký của người viết. Bên vay và bên cho vay đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc lập giấy vay tiền, giấy gia hạn được thực hiện tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Về nội dung: Giấy vay tiền ngày 01/6/2022 và giấy gia hạn ngày 01/10/2024 có nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, việc vay tiền để nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh gia đình. Đối với giấy

gia hạn ngày 01/10/2024, bị đơn cho rằng có dấu hiệu giả mạo chữ ký, tuy nhiên căn cứ kết luận giám định số 210/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của V1 Bộ C, ý kiến của bị đơn là không có cơ sở, xác định giấy gia hạn ngày 01/10/2024 là do bị đơn viết.

Như vậy, giấy vay tiền ngày 01/6/2022 và giấy gia hạn ngày 01/10/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn đều đảm bảo các điều kiện về chủ thể, hình thức và nội dung theo Bộ luật dân sự 2015. Sau khi giao kết hợp đồng, các bên đã giao nhận đầy đủ số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, đến thời điểm nguyên đơn và bị đơn ký giấy gia hạn, bị đơn xác nhận vẫn nợ nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ.

[3.2] Xét yêu cầu phân tố của bị đơn: Bà Trương Thị L, ông Bùi Văn V có yêu cầu phân tố đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị P phải trả cho vợ chồng bà khoản tiền lãi suất phát sinh từ khoản tiền thanh toán trả gốc vay hàng tháng tạm tính từ ngày 08/01/2023 đến ngày 31/3/2025 là 54.044.496 đồng.

Căn cứ các tập sao kê tài khoản bị đơn cung cấp thể hiện các giao dịch chuyển tiền đến số tài khoản 37510000005469 Ngân hàng Đ (B) mang tên Lê Thị P, một số giao dịch xác định là chuyển tiền trả lãi, trả lãi vay hoặc không ghi nội dung, trong đó giao dịch ngày 08/01/2023 có nội dung “Trương Thị L trả tiền lãi vay tháng 12” số tiền 15.000.000 đồng, một số giao dịch sau đó (ngày 06/3/2023, ngày 12/7/2023, 14/3/2024...) số tiền được chuyển cũng là 15.000.000 đồng/tháng hoặc 30.000.000 đồng/02 tháng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn về việc hai bên đã thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/tháng. Hơn nữa, tại giấy gia hạn ngày 01/10/2024, bị đơn vẫn xác nhận nợ nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng. Do đó, xác định số tiền bị đơn giao dịch chuyển cho nguyên đơn không phải là trả vào tiền gốc mà được xác định là tiền lãi vay hàng tháng bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn.

[3.3] Xét lãi suất vay

Trong giấy vay tiền ngày 01/6/2022 bà Lê Thị P và bà Trương Thị L, ông Bùi Văn V, thỏa thuận lãi suất vay là 0,6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 01/6/2022. Lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó xác định tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn từ 01/6/2022 đến ngày 30/11/2022 là 06 tháng, số tiền là $0,6\% \times 1.000.000.000 \times 6 = 36.000.000$ đồng.

Từ tháng 12/2022 cho đến ngày các bên ký giấy gia hạn (ngày 01/10/2024), các bên không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên như đã phân tích ở mục [2.2], có căn cứ cho rằng nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho

nguyên đơn từ ngày 01/12/2022 đến hết ngày 30/9/2024 là 22 tháng, số tiền là $1,5\% \times 1.000.000.000 \times 22 = 330.000.000$ đồng.

Ngày 01/10/2024, bị đơn viết giấy gia hạn, theo đó xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 1.000.000.000 đồng và xin gia hạn vay đến ngày 01/12/2024, tuy nhiên sau đó bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn. Tại giấy gia hạn các bên không xác định rõ lãi suất, vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, xác định lãi suất bị đơn phải chịu là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng nhất trí xác định lãi suất vay trong thời gian từ 01/10/2024 đến 30/9/2025 là 0,83%/tháng, do đó cần sửa bản án sơ thẩm về phần lãi này như sau: Từ ngày 01/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2025 là 12 tháng, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $0,83\% \times 1.000.000.000 \text{ đồng} \times 12 = 99.600.000$ đồng.

Như vậy, xác định tổng số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là $36.000.000 \text{ đồng} + 330.000.000 \text{ đồng} + 99.600.000 \text{ đồng} = 465.600.000$ đồng. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định bị đơn đã thanh toán tiền lãi là 397.000.000 đồng, do đó số tiền lãi bị đơn còn phải thanh toán là 68.600.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $1.000.000.000 \text{ đồng} + 68.600.000 \text{ đồng} = 1.068.600.000$ đồng.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy một phần kháng cáo của bị đơn về việc tính lại lãi suất là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đồng thời cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị L, ông Bùi Văn V về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn, công nhận bị đơn đã thanh toán một phần tiền gốc là 229.552.590 đồng.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V về việc tính lãi suất, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lào Cai như sau:

Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 điều 227, điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

2.1. Buộc bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V phải trả cho bà Lê Thị P (T) số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Buộc bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V phải trả cho bà Lê Thị P (T) tiền lãi tính đến hết ngày 30/9/2025 là 68.600.000 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán khoản tiền lãi suất phát sinh từ khoản tiền trả gốc vay hàng tháng tính từ ngày 08/01/2023 đến ngày 31/3/2025 là 54.044.496 đồng (Năm mươi tư triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng).

2.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi tính đến hết tháng 12/2024 là 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng) và tiền lãi tính trên số lãi 41.000.000 đồng từ tháng 01/01/2025.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V phải chịu 44.058.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lê Thị P (T) phải chịu 4.020.000 đồng (bốn triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.615.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001078 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Lào Cai). Hoàn trả lại cho bà P (T) số tiền 17.595.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng

2.5. Về án phí phản tố: Bị đơn ông Bùi Văn V, bà Trương Thị L phải chịu 2.702.224 đồng (Hai triệu bảy trăm linh hai nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng) tiền án phí phản tố, xác định bị đơn đã nộp 1.351.112 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn một trăm mười hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001143 ngày 11/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Lào Cai), bị đơn còn phải nộp số tiền 1.351.112 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi một nghìn một trăm mười hai đồng).

2.6. Về chi phí tố tụng khác: Bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V phải chịu 5.111.000 đồng (Năm triệu một trăm mười một nghìn đồng) tiền chi phí giám định, xác định bị đơn đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị L và ông Bùi Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0001599 và 0001598 ngày 27/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- TAND KV6 – Lào Cai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai ;
- Phòng THADS KV6 – Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phi Long